TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG A** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 257/2020/QĐDS-ST Ngày 09/6/2020 V/v: Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG A

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Bà Triệu Thúy Hà - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đông A.

Đđiện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên họp: Bà Lê Thị T Vân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-VDS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về " Yêu cầu xác định cha mẹ cho con" theo Quyết định mở phiên họp số: 04/2020/QĐPH-VDS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Vĩnh D**,** sinh năm 1965, Địa chỉ: Thôn Lại Đ, xã Đông H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.Tại phiên họp ông D có mặt.

Người Đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Lan H, sinh năm 1997, địa chỉ: Số 93 Lạc Long Q, phường Nghĩa Đ, quận Cầu G, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

- Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Vĩnh D1:

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1962;
- Chị Bùi Thanh H1, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Đội 10, phường Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1951.
- Bà Ngô Thị T, sinh năm 1954.
- Anh Bùi Xuân Đ, sinh năm 1981.
- Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976.
- Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1979.

- Bà Tạ Thị Ly, sinh năm 1958.
- Anh Bùi Xuân Đ1, sinh năm 1985.
- Anh Bùi Xuân T2, sinh năm 1987.
- Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1959.

Đều cùng địa chỉ: Thôn Hội P, xã Đông H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Tại phiên họp, bà T1 có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan khác đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông Bùi Vĩnh D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông A xác định: Cụ Bùi Vĩnh Đ, không rõ năm sinh, chết năm 1966 là bố đẻ ông, cụ Chử Thị K, sinh năm 1931, chết năm 2018 là mẹ đẻ ông. Nguyên quán đồng thời là nơi cư trú trước khi chết của cụ Đ, cụ K: Thôn Hội P, xã Đông H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội

Tại đơn yêu cầu và lời khai tại Tòa án, ông Bùi Vĩnh D trình bày:

Bố đẻ ông là cụ Bùi Vĩnh Đ, chết năm 1966, mẹ đẻ là cụ Chử Thị K, chết năm 2018. Từ nhỏ, ông được mẹ đẻ cho đi làm con nuôi. Từ khi sinh ông ra cho đến nay, do hoàn cảnh sống, ông không có bất cứ một thứ giấy tờ nào để xác nhận về nhân thân và quan hệ huyết thống. Do vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông A xác định: Cụ Bùi Vĩnh Đ là bố đẻ ông, cụ Chử Thị K là mẹ đẻ ông.

Về quan hệ huyết thống: Cụ Đ, cụ K có 06 người con gồm:

1. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1951;
2. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1953;
3. Ông Bùi Vĩnh C, sinh năm 1957;
4. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1959;
5. Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963;
6. Ông Bùi Vĩnh D, sinh năm 1965;

Ngoài 6 người con trên, cụ Đ cụ K không có con riêng, con nuôi.

Ông Bùi Vĩnh Q chết năm 2004, có vợ là Ngô Thị T, 03 con là: Bùi Thị L, Bùi Xuân H, Bùi Xuân Đ.

Ông Bùi Vĩnh C chết năm 2019 có Vợ là: Tạ Thị Ly, và 02 con là Bùi Xuân Đ1, Bùi Xuân T2;

Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963; đã chết ngày 04/4/2020.

Ông D1 có vợ là chị Trần Thị B, sinh năm 1962, con là Bùi Thị T H1, sinh năm 1988; Bùi Xuân D4, sinh năm 1986(Chết 30/7/2015 do bệnh tật và chưa có vợ con).

Do gia đình khó khăn, năm 1966, sau khi cụ Đ chết, cụ K không nuôi được nhiều con nên cho ông đi làm con nuôi tại thôn Vệ, xã Nam Hồng, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Ông ở với gia đình bố mẹ nuôi đến khi mẹ nuôi mất mất thì lại trở về ở với gia đình bố mẹ đẻ. Lúc đó cụ K cùng các anh em đã nhận lại ông chăm sóc và cưới vợ cho ông.

Trên thực tế, ông đã ở cùng gia đình bố mẹ đẻ từ năm 1991 đến nay, được các anh em ruột luôn bao bọc chở che. Nay để hoàn tất thủ tục về pháp lý, ông đề nghị Tòa án xác định bố ông và cụ Bùi Vinh Đ, mẹ ông là cụ Chử Thị K. Chị gái ông là bà

Bùi Thị T1 và anh trai ông là ông Bùi Vĩnh D1 đã ông cùng đi giám định AND. Tại văn bản số NG87/C09(TT3) của Viện khoa học hình sự - Bộ công an về việc "trả lời kết quả xét nghiệm kiểu Gen trên Nhiễm sắc thể" kết luận: Ông và ông Bùi Vĩnh D1 là anh em ruột theo dòng cha.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông Bùi Vĩnh Q trình bày: Về quan hệ huyết thống: Bố ông cụ Bùi Vĩnh Đ, chết năm 1966, mẹ ông cụ Chử Thị K, chết năm 2018; hai cụ có 06 người con là:

1. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1951;
2. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1955;
3. Ông Bùi Vĩnh C, sinh năm 1957;
4. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1959;
5. Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963;
6. Ông Bùi Vĩnh D, sinh năm 1965;

Ngoài 6 người con trên, cụ Đ cụ K không có con riêng, con nuôi.

Ông Bùi Vĩnh D từ bé đã được gọi tên là D. Năm 1966, một mình cụ K nuôi 06 người con rất vất vả, mẹ góa, con côi. Do vậy, cụ K đã cho ông D đi làm con nuôi ở Thôn Vệ, Nam Hồng, Đông A, Hà Nội. Bố mẹ nuôi của ông D người đã mất, người không còn ở địa pH.

Năm 1991, mẹ kế nuôi của ông D mang ông D trả về nhà mẹ đẻ. Gia đình có đưa ông D về Nam Hồng thì ông lại tự trở về quê mẹ ở Đông H. Do vậy, gia đình đã nhận lại ông D chăm sóc, cưới vợ cho ông D, mang tiền xây nhà cho ông D tại quê vợ. Chính bản thân vợ ông là người cầm tiền sang Lại Đ đưa cho bố vợ ông D để xây nhà cho ông D. Khi ông D sinh con, vợ chồng ông là người chăm sóc cho cháu bé. Nay ông D yêu cầu Tòa án xác định cụ Đ cụ K là bố mẹ đẻ ông nhất trí. Ông Khẳng định ông D là anh em cùng cha, cùng mẹ với ông. Cụ Đ, cụ K là bố mẹ đẻ ông D.

Những người có Quyền lợi nghĩa vụ L quan: Bà Bùi Thị T1, bà Ngô Thị T, bà Tạ Thị Ly, anh Bùi Xuân Đ,chị Bùi Thị L, anh Bùi Xuân Đ1, anh Bùi Xuân T2, anh Bùi Xuân H đều có lời trình bày:

Về huyết thống: Cụ Bùi Vĩnh Đ, chết năm 1966, mẹ ông cụ Chử Thị K, chết năm 2018; hai cụ có 06 người con là:

1. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1951;
2. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1955;
3. Ông Bùi Vĩnh C, sinh năm 1957;
4. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1959;
5. Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963;
6. Ông Bùi Vĩnh D, sinh năm 1965;

Ngoài 6 người con trên, cụ Đ cụ K không có con riêng, con nuôi.

Ông Bùi Vĩnh Q chết năm 2004, có vợ là Ngô Thị T, 03 con là: Bùi Thị L, Bùi Xuân H, Bùi Xuân Đ.

Ông Bùi Vĩnh C chết năm 2019 có Vợ là: Tạ Thị Ly, và 02 con là Bùi Xuân Đ1, Bùi Xuân T2;

Bà T1, bà T, chị L, anh H, anh Đ, bà Ly, anh Đ1, anh T2 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông Bùi Vĩnh D1, đã chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D1 là bà Trần Thị B, chị Bùi Thị T H1 xác nhận cụ Đ, cụ K là bố mẹ của ông D và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D.

Đdiện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A tham gia phiên họp phát biểu: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu của ông D là phù hợp, có căn cứ nên đề nghị đề nghị Tòa án căn cứ điều 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức miễn,giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Vĩnh D.

2. Xác định cụ Bùi Vĩnh Đ và cụ Chử Thị K là bố mẹ của ông Bùi Vĩnh D.

Ông D phải chịu lệ phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đông A nhận định:

Về tố tụng:

Đây là yêu cầu giải quyết việc dân sự theo Khoản 10 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Do cụ Đ, cụ K đã chết nên việc xác định cha, mẹ, con nên căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân là cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Điều luật quy định: ... **"**2. Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc xác định cha, mẹ, con trong T2 hợp có tranh chấp hoặc người được yêu cầu xác định là cha, mẹ, con đã chết ...".

Toàn bộ các đương sự đều thống nhất ý chí, không có tranh chấp về huyết thống và đều có ý kiến đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D nên Xác định đây là việc dân sự " Xác định cha mẹ cho con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông A.

Ông Bùi Vĩnh D có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông A " Xác định cha mẹ cho con" là đúng quy định của pháp luật.

Về nội D1: Căn cứ lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ cùng như quá trình giải quyết tại phiên họp thể hiện:

Cụ Bùi Vĩnh Đ (Chết năm 1966), cụ Chử Thị K (chết năm 2018) trước khi chết, các cụ đều cư trú tại xã Đông H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.

Các cụ có 06 người con là:

1. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1951;

2. Ông Bùi Vĩnh Q, sinh năm 1955;

3. Ông Bùi Vĩnh C, sinh năm 1957;

4. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1959;

5. Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963;

6. Ông Bùi Vĩnh D, sinh năm 1965;

Ngoài 6 người con trên, cụ Đ, cụ K không có con riêng, con nuôi.

Ông Bùi Vĩnh Q chết năm 2004, có vợ là Ngô Thị T, 03 con là: Bùi Thị L, Bùi Xuân H, Bùi Xuân Đ.

Ông Bùi Vĩnh C chết năm 2019 có Vợ là: Tạ Thị Ly, và 02 con là Bùi Xuân Đ1, Bùi Xuân T2;

Ông Bùi Vĩnh D1, sinh năm 1963; đã chết ngày 04/4/2020. Ông D1 có vợ là bà Trần Thị B, sinh năm 1962, con là Bùi Thị T H1, sinh năm 1988; Bùi Xuân D4, sinh năm 1986 (Anh D4 chết 30/7/2015 do bệnh tật và chưa có vợ con).

Toàn bộ các đương sự là những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Đ, cụ K đều thống nhất về hàng thừa kế và không có tranh chấp gì về huyết thống. Các đương sự đều có đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Vĩnh D.

Xác minh tại Viện khoa học hình sự -Bộ công an về Văn bản số NG87/C09(TT3) của Viện khoa học hình sự - Bộ công an về việc trả lời kết quả xét nghiệm kiểu Gen trên Nhiễm sắc thể, kết luận: Ông Bùi Vĩnh D và ông Bùi Vĩnh D1 là anh em ruột theo dòng cha. cụ Bùi Vĩnh Đ là cha đẻ ông Bùi Vĩnh D1. Như vậy, cụ Bùi Vĩnh Đ là cha đẻ của ông Bùi Vĩnh D.

Cụ Chử Thị K trực tiếp là người mang cho ông D đi làm con nuôi. Sau đó ông D lại trở về ở với gia đình cụ. Bản thân cụ K và các con của cụ đều đón nhận ông D về chăm sóc, tổ chức cưới vợ, xây nhà cho ông D. Toàn bộ gia đình đều thừa nhận ông D là con cụ K.

Hiện tại ông D vẫn được được toàn bộ các con cháu cụ Đ, cụ K thừa nhận là con đẻ cụ Đ, cụ K, ông được các anh chị yêu tH đùm bọc, ông D cũng có trách nhiệm chung của người con trong gia đình cụ Đ cụ K.

Như vậy, xác định cụ Chử Thị K là mẹ của ông Bùi Vĩnh D.

Ông Bùi Vĩnh D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông A xác định cụ Chử Thị K là mẹ của ông là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 10 Điều 29; Điểm a khoản 2 Điều 67 và các Điều 67, 370, 371, 372, 393 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 101 Của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điều 149-Bộ luật tố tụng dân sự và nghị Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức miễn,giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Vĩnh D.

2. Xác định:

- Cụ Bùi Vĩnh Đ (không rõ năm sinh), chết năm 1966 là cha của ông Bùi Vĩnh D;

- Cụ Chử Thị K (sinh năm 1931, chết năm 2018) là mẹ ông Bùi Vĩnh D, sinh năm 1965.

3.Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Ông D phải chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự. Ghi nhận ông D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai số 00015310 ngày 15/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A nay chuyển thành lệ phí. Ông D đã nộp đủ lệ phí dân sự.

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân thành phố Hà Nôi
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A
-Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.
-Các đương sự.
-Ủy ban nhân dân xã Đông H, huyện Đông A, thành phố Hà Nội.
-Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông A
-Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Triệu Thúy Hà